

Số: /BC-THAP

Tân Hồng, ngày 31 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 – 2024

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tân Hồng.

Thực hiện Công văn số 654/PGDDĐT ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) huyện Tân Hồng về việc hướng dẫn kiểm tra định kỳ và báo cáo cuối năm, năm học 2023 - 2024.

Căn cứ vào tình hình thực tế nhà trường, với những kết quả đạt được trong năm học, Trường tiểu học An Phước báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2023 - 2024 và đề ra phương hướng nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Bối cảnh triển khai nhiệm vụ giáo dục tiểu học.

Trường tiểu học An Phước được sáp nhập và thành lập từ tháng 7/2022, có 04 điểm trường: điểm trường chính đặt tại Ấp An Thọ cách UBND xã An Phước 2Km, điểm trường lẻ đặt tại các Ấp trong xã như (Ấp An lộc, An Thọ, An Tài).

Năm học 2023-2024 trường có 21 phòng học, Về phòng học đảm đủ 01 phòng / lớp. Trang thiết bị dạy và học được trang bị khá đầy đủ. Trường có 01 phòng Tiếng Anh và 01 phòng tin học (*số lượng máy 19 máy, thực dạy từ lớp 3-lớp 5 với 310 học sinh*) cả 02 phòng Tiếng Anh và tin học được đặt tại điểm chính.

Sân trường cả 04 điểm có khung che, biển khẩu hiệu trang trí và che mát giúp học sinh mát hơn trong lúc giải lao.

Hạn chế: Trường còn thiếu 09 phòng chức năng, thiếu nhà vệ sinh GV tại điểm K12.

2. Thực trạng về điều kiện thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học

2.1. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học

a) Cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV) Tổng phụ trách Đội, nhân viên.

CBQL							Tổng số GV TPT Đội chuyên trách	Nhân viên			
Tổng số	Nữ	Dân tộc	ThS	ĐH	CD	TCSP		Y tế	Kế toán	Văn thư	TV-TB
04	02	0		04	0	0	01	01	01	01	02

b) Giáo viên

TS GV		Trình độ					TL GV bình quân/ lớp	TS GV Tiểu học	TS GV AN	TS GV GDT C	TS GV MT	GV Tiếng Anh						GV Tin học
GV	Nữ	ThS	Đ H	CD	T H	TS						Hợp đồng	Đạt C2	Đạt C1	Đạt B2	Đạt B1	Chưa đạt B1	
29	13	01	26	02		1.45	22	01	02	01	02	0					1	0

* **Đánh giá nhận định đội ngũ CBQL, GV, nhân viên:...**

- Tổng số CBGV, NV tính đến thời điểm tháng 5, năm học 2023-2024, trường có 41 đồng chí: BGH: 04 đồng chí; GV tiểu học: 21 đồng chí; Giáo viên chuyên: 07 đồng chí; Tổng phụ trách 01 đồng chí; Nhân viên: 08 đồng chí;

- Có 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn. tỷ lệ giáo viên trên lớp đạt 1,45 GV/lớp. Trong năm học 2023-2024 số lượng người làm việc UBND huyện giao cho nhà trường đảm bảo đủ cho công tác dạy và học.

2.2. **Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và học liệu.**a) **Phòng học văn hóa**

Phòng học văn hóa		Phòng học kiên cố (Xây 01 trệt một lầu)		Phòng học bán kiên cố		Phòng tạm		Phòng mượn		Phòng học xuống cấp cần xây mới
Tổng số	Tỉ lệ phòng/lớp	Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ	
21	1.0	06	28,6	15	71,4	0				

b) **Phòng chức năng**

TS phòng thư viện	TS phòng thiết bị	TS trường có nhà vệ sinh đảm bảo cho HS nam và nữ	TS trường có nhà vệ sinh chưa đảm bảo cần xây dựng	TS phòng học ngoại ngữ	TS phòng học môn Tin học	TS phòng học môn Mĩ thuật	TS phòng môn Âm nhạc	TS trường có bãi tập riêng	TS trường có nhà đa năng
01	01	05	01	01	01	0	0	0	0

Đánh giá nhận định chung về cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học liệu: ...

Năm học 2023-2024 trường có 21 phòng /20 lớp , Về phòng học đảm đủ 01 phòng / lớp. Trang thiết bị dạy và học được trang bị khá đầy đủ. Trường có 01 phòng tiếng Anh và 01 phòng tin học. Đảm bảo tốt cho công tác dạy và học.

Hạn chế: Trường còn thiếu các phòng chức năng theo quy định, thiếu nhà vệ sinh GV tại điểm K12. Diện tích sân chơi, bãi tập còn thiếu, chưa có các

phòng Âm nhạc, Mỹ thuật, thể dục, phòng truyền thống...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TIỂU HỌC

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện

Nhà trường triển khai đầy đủ các văn bản của các cấp học đến toàn thể CBGV-NV như:

Căn cứ chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT V/v Ban hành chương trình Giáo dục phổ thông; Công văn số 3866/BGDĐT GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ trưởng BGD & ĐT về việc hướng dẫn chuẩn bị tổ chức dạy học đối với lớp 1 năm học 2020-2021;

Hướng dẫn số 1254/HD-PGDĐT, ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn nhiệm vụ chuyên môn cấp Tiểu học huyện Tân Hồng. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT ngày 26/12/2018 (CTGDPT 2018). Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo. Công văn số 4612/BGDĐTGDTrH ngày 03/10/2017 hướng dẫn thực hiện CTGDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo. Chỉ thị số 2325/CT-BGDĐT ngày 28/6/2013 về việc chấn chỉnh tình trạng dạy học trước chương trình lớp 1; công văn số 28/SGDĐT-TTr ngày 27 tháng 2 năm 2017 của Sở giáo dục Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện dạy học 2 buổi/ngày và dạy thêm học thêm; Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 về ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Căn cứ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HDND ngày 29 tháng 9 năm 2022 Quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Công văn số: 151/SGDĐT-TTr ngày 27/8/2012 của Sở Giáo dục-Đào tạo Đồng Tháp về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ từ năm học 2012-2013; Hướng dẫn số 109 /HD-SGDĐT ngày 27/8/2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra từ năm học 2015 – 2016. Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ GDĐT quy định về Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28 tháng 9 năm 2016 và Thông tư số 27/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04/9/2020 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc Quy định đánh giá học sinh tiểu học, đảm bảo đúng thực chất.

Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ chính trị khoá XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Tiếp tục triển khai Chương trình hành động của Bộ GDĐT thực hiện Nghị Quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục đào tạo.

Căn cứ Công văn số 1349/PGDDĐT, ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Phòng GDĐT, về việc hướng dẫn kiểm tra định kỳ kể từ năm học 2016 - 2017;

Căn cứ Công văn số 1743/SGDDĐT-GDTH, ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp, về hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ theo kế hoạch số 184 /KH-THAP, ngày 20/9/2023 của Trường Tiểu học An Phước về thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024;

Kết quả qua nghiên cứu các văn bản của ngành toàn thể CBGV nghiên cứu thực hiện nghiêm túc và đúng qui định.

2. Quy mô trường, lớp, học sinh.

Năm học 2022 - 2023			Năm học 2023 - 2024			So sánh		
Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS
01	21	551	01	20	532	01	Giảm 01	Giảm 19HS

* Đánh giá: Đầu năm học, tỉ lệ huy động HS ra lớp đạt 100 % (535/535 HS). Trong đó, HS ra lớp 1 là 108 HS/108 HS, đạt tỉ lệ 100.%. (HS khối 2: 113 hs; HS khối 3: 103 hs; HS khối 4: 111 hs; HS khối 5: 101hs).

Số HS chuyển đến 13 HS; HS chuyển đi: 10 HS.

3. Duy trì, nâng cao kết quả phổ cập giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

3.1. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học.

Cấp xã, phường, thị trấn:

Mức độ	Tháng 5/2023			Tháng 5/2024		
	TS đơn vị	Đạt chuẩn	Tỉ lệ %	TS đơn vị	Đạt chuẩn	Tỉ lệ %
1						
2	01	01	100%			
3				01	01	100%

3.2. Đảm bảo hiệu quả kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

a) Trường chuẩn quốc gia

Mức độ	Tháng 5/2023			Tháng 5/2024		
	TS đơn vị	Đạt chuẩn	Tỉ lệ %	TS đơn vị	Đạt chuẩn	Tỉ lệ %
1	01	0		01	0	

2						
---	--	--	--	--	--	--

* Đánh giá nhận định chung:

- Do trường nằm trong lộ trình xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, đang đầu tư xây dựng CSVC nên chưa đạt chuẩn dự kiến đạt giai đoạn năm 2025-2030

b) Đánh giá ngoài (Không)

Cấp độ	Tháng 5/2023			Tháng 5/2024		
	TS đơn vị	Đạt chuẩn	Tỉ lệ %	TS đơn vị	Đạt chuẩn	Tỉ lệ %
1						
2						
3						

* Đánh giá nhận định chung:

4. Kết quả thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

4.1. Đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4.

a) Đối với lớp 1

- Tổng số trường có lớp 1 dạy học 06 - 07 – 08 - 09 - 10 buổi/ tuần

6 buổi/tuần			7 buổi/tuần			8 buổi/tuần			9 buổi/tuần			10 buổi/tuần		
Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS
									01	04	107			

- Tỉ lệ phòng học lớp 1: 01 phòng / 01 lớp.

- Tổng số lớp 1: 04 lớp/ 107 học sinh.

- Tổng số GV lớp 1: 04 tỉ lệ 100%

Đánh giá công tác triển khai đối với lớp 1:

- CSVC được bố trí đầy đủ.

- GV đảm bảo đủ về số lượng đạt chuẩn theo qui định

- Tổ chức dạy học 100% đều học 2 buổi/ ngày, giảng dạy theo bộ sách chân trời sáng tạo, tiếng Anh 1 tiết/ tuần.

b) Đối với lớp 2

- Tổng số trường có lớp 1 dạy học 06 - 07 – 08 - 09 - 10 buổi/ tuần

6 buổi/tuần	7 buổi/tuần	8 buổi/tuần	9 buổi/tuần	10 buổi/tuần
-------------	-------------	-------------	-------------	--------------

Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS
									01	04	114			

- Tỷ lệ phòng học lớp 2: 01 phòng / 01 lớp
- Tổng số lớp 2: 04 lớp/ 114 học sinh.
- Tổng số GV lớp 2: 04 GV/ 04 lớp tỷ lệ 100%

Đánh giá công tác triển khai đối với lớp 2:

- CSVC được bố trí đầy đủ.
- GV đảm bảo đủ về số lượng đạt chuẩn theo qui định
- Tổ chức dạy học 100% đều học 2 buổi/ ngày, giảng dạy theo bộ sách chân trời sáng tạo, tiếng Anh 1 tiết/ tuần.

c) Đối với lớp 3

- Tổng số trường có lớp 3 dạy học 06 - 07 – 08 - 09 - 10 buổi/ tuần

6 buổi/tuần			7 buổi/tuần			8 buổi/tuần			9 buổi/tuần			10 buổi/tuần		
Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS
									01	04	104			

- Tỷ lệ phòng học lớp 3: 01 phòng / 01 lớp.
- Tổng số lớp 3: 04 lớp / 104 học sinh.
- Tổng số GV lớp 3: 04 giáo viên/ 04 lớp tỷ lệ 100%.

Đánh giá công tác triển khai đối với lớp 3:

- CSVC được bố trí đầy đủ
- GV đảm bảo đủ về số lượng đạt chuẩn theo qui định
- Tổ chức dạy học 100% đều học 2 buổi/ ngày, giảng dạy theo bộ sách chân trời sáng tạo, tiếng Anh 4 tiết/ tuần.

d) Đối với lớp 4

- Tổng số trường có lớp 3 dạy học 06 - 07 – 08 - 09 - 10 buổi/ tuần

6 buổi/tuần			7 buổi/tuần			8 buổi/tuần			9 buổi/tuần			10 buổi/tuần		
Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS
									01	04	109			

- Tỷ lệ phòng học lớp 4: 01 phòng / 01 lớp.
- Tổng số lớp 4: 04 lớp / 109 học sinh.
- Tổng số GV lớp 4: 04 giáo viên/ 04 lớp tỷ lệ 100%.

Đánh giá công tác triển khai đối với lớp 4:

- CSVC được bố trí đầy đủ
- GV đảm bảo đủ về số lượng đạt chuẩn theo qui định
- Tổ chức dạy học 100% đều học 2 buổi/ ngày, giảng dạy theo bộ sách chân trời sáng tạo, tiếng Anh 4 tiết/ tuần.

4.2. Đối với lớp 5.

a) Công tác chuẩn bị cho lớp 5 năm học 2024 - 2025

Tổng số lớp 4: 04 lớp

Tổng số GV lớp 4: 04 GV.

Tỉ lệ phòng học lớp 4: 01 phòng / lớp.

Đề xuất tập huấn, bồi dưỡng: Trực tiếp và trực tuyến.

Thuận lợi và khó khăn: GV sẵn sàng cho công tác tập huấn .

khó khăn: không.

4.3. Dạy học Ngoại ngữ và Tin học

a) Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh.

Năm học 2023 - 2024, thực hiện môn Tiếng Anh với 01 trường, 20 lớp và 532 HS ở tất cả khối lớp.

Dạy học ngoại ngữ	Năm học 2022 - 2023			Năm học 2023 - 2024		
	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS
Số HS toàn huyện/TP						
1. Tổng số HS lớp 1						
- Số HS lớp 1 học tiếng Anh		4	120		4	107
+ 2 tiết/tuần		2 tiết			1 tiết	
+ 3 tiết/tuần						
+ 4 tiết/tuần						
+ Trên 4 tiết/tuần						
2. Tổng số HS lớp 2						
- Số HS lớp 2 học tiếng Anh		4	100		4	115
+ 2 tiết/tuần		2 tiết			1 tiết	
+ 3 tiết/tuần						
+ 4 tiết/tuần						
+ Trên 4 tiết/tuần						
3. Tổng số HS lớp 3						
- Số HS lớp 3 học tiếng Anh		4	103		4	104
+ 2 tiết/tuần						
+ 3 tiết/tuần						
+ 4 tiết/tuần		4 tiết			4 tiết	
+ Trên 4 tiết/tuần						
4. Tổng số HS lớp 4						

- Số HS lớp 4 học tiếng Anh		4	104		4	109
+ 2 tiết/tuần		2 tiết				
+ 3 tiết/tuần						
+ 4 tiết/tuần					4 tiết	
+ Trên 4 tiết/tuần						
5. Tổng số HS lớp 5						
- Số HS lớp 5 học tiếng Anh		5	124		4	97
+ 2 tiết/tuần		2 tiết				
+ 3 tiết/tuần						
+ 4 tiết/tuần					4 tiết	
+ Trên 4 tiết/tuần						
Tiếng Anh có người nước ngoài tham gia giảng dạy						

Liệt kê các sách/giáo trình được giảng dạy trên địa bàn:...

* Đánh giá nhận định chung: Năm học 2023 - 2024, thực hiện môn Tiếng Anh đảm bảo theo CTGDPT 2018.

Thực hiện theo Quyết định số 368/QĐ-UBND-HC ngày 30 tháng 03 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 sử dụng tại các cơ sở giáo dục phổ thông kể từ năm học 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức dạy học môn Tin học và tổ chức hoạt động giáo dục tin học

Năm học 2023 - 2024, số trường dạy học Tin học tăng, giảm 01 lớp và 19 HS so với năm học 2022 - 2023

Dạy học Tin học	Năm học 2022 - 2023			Năm học 2023 - 2024		
	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS
Số HS toàn trường		21	551		20	532
1. Tổng số HS lớp 1		4	120		4	107
- Số HS lớp 1 học Tin học		0			0	
- Tỷ lệ %						
2. Tổng số HS lớp 2		4	100		4	115
- Số HS lớp 2 học Tin học		0			0	
- Tỷ lệ %						
3. Tổng số HS lớp 3		4	103		4	104
- Số HS lớp 3 học Tin học		4	103		4	104
- Tỷ lệ %		100%	100%		100%	100%

4. Tổng số HS lớp 4		4	104		4	109
- Số HS lớp 4 học Tin học		4	104		4	109
- Tỷ lệ %		100%	100%		100%	100%
5. Tổng số HS lớp 5		5	124		4	97
- Số HS lớp 5 học Tin học		5	124		4	97
- Tỷ lệ %		100%	100%		100%	100%

Liệt kê các sách/giáo trình được giảng dạy tại nhà trường:

Thực hiện theo Quyết định số 368/QĐ-UBND-HC ngày 30 tháng 03 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 sử dụng tại các cơ sở giáo dục phổ thông kể từ năm học 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh .

4.4. Tổ chức thực hiện nội dung giáo dục của địa phương .

Trường Tiểu học An Phước xây dựng Kế hoạch dạy học chương trình Giáo dục địa phương lớp 1, 2, 3 và địa phương em lớp 4 năm học 2023 – 2024 Căn cứ vào Tài liệu được biên soạn bám sát khung chương trình giáo dục địa phương của Tỉnh Đồng Tháp và Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.5. Tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm; xây dựng, phát triển thư viện trường tiểu học, câu lạc bộ học sinh đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực học sinh.

Liệt kê các hoạt động tổ chức tại đơn vị: Hoạt động trải nghiệm thực hiện thứ 2 hàng tuần, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đối với lớp 5, giao lưu học sinh tiểu học, câu lạc bộ Tiếng Anh, Mĩ thuật, cờ vua.

* Đánh giá nhận định chung: Nhà trường thực hiện đảm bảo theo Hướng dẫn số 1254/HD-PGDĐT, ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Phòng GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ chuyên môn giáo dục tiểu học huyện Tân Hồng năm học 2023 – 2024;

4.6. Công tác lồng ghép các nội dung giáo dục, giảng dạy, an toàn giao thông, quyền con người, nghề nghiệp, chăm sóc mắt...

4.7. Dạy học 2 buổi/ngày và bán trú

a) Dạy học 2 buổi/ngày.

Năm học 2022 - 2023						Năm học 2023 - 2024					
Trường		Lớp		HS		Trường		Lớp		HS	
SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
		21	100%	551	100%	01	100	20	100	532	100

* Đánh giá nhận định chung: Dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo các công văn hướng dẫn.

b) *Bán trú Không.*

Năm học 2021 - 2022						Năm học 2022 - 2023					
Trường		Lớp		HS		Trường		Lớp		HS	
SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%

* Đánh giá nhận định chung: ...

4.8. Thư viện :

Thư viện đạt chuẩn					
Năm học 2022 - 2023			Năm học 2023- 2024		
Tổng số	Đạt	Tỉ lệ	Tổng số	Đạt	Tỉ lệ
01	01	100	01	01	100
Trong đó Thư viện đạt thư viện tiên tiến					
01	01	100	01	01	100
Trong đó Thư viện đạt thư viện Xuất sắc					

* Đánh giá nhận định chung: ...

4.9. Trường “Xanh - Sạch - Đẹp”

Năm học 2022 - 2023			Năm học 2023 - 2024		
Tổng số	Đạt	Tỉ lệ	Tổng số	Đạt	Tỉ lệ
			01	0	

* **Đánh giá nhận định chung:**

Năm học 2023-2024 do tình hình thực tế trường có xây dựng kế hoạch Trường “Xanh - Sạch - Đẹp. Đã báo cáo về PGDDT chờ công nhận.

5. Chất lượng giáo dục

- Chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục; năng lực; phẩm chất
(Đính kèm bảng thống kê xuất trên hệ thống cơ sở dữ liệu EQMS cuối năm)
- Xét hoàn thành chương trình lớp học

- Tổng số HS xét hoàn thành chương trình lớp học từ lớp 1 – 4 là 434 /434, tỉ lệ 100%.

- Tổng số HS Hoàn thành chương trình lớp học là 426/434 tỉ lệ 98,2%.

- Số HS Chưa hoàn thành chương trình lớp học 02/434 chiếm tỉ lệ 1,8%.

c) **Xét hoàn thành chương trình tiểu học**

- Tổng số HS xét Hoàn thành chương trình tiểu học là 97/97, tỉ lệ 100%.

- Tổng số HS Hoàn thành chương trình tiểu học là 97/97, tỉ lệ 100 %.

d) Hiệu quả đào tạo sau 5 năm:

Số HS lớp 1 năm học 2019 - 2020 là: 106

HS lớp 5 Hoàn thành chương trình tiểu học là 97

Hiệu quả đào tạo sau 5 năm 97/106 là 91,5%.

đ) Số học sinh được xét khen thưởng cuối năm học.

* *Lớp 1: 47 em*

* *Lớp 2: 54 em*

* *Lớp 3: 37 em*

* *Lớp 4: 30 em*

* *Lớp 5: 44 em*

6. Triển khai giáo dục STEM.

Nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai đến toàn trường thực hiện từ đầu năm học 2023-2024. Trong học kỳ 2 nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục STEM ở các khối lớp và tổ chức dạy thao giảng trường. Qua đó nhà trường triển khai thành chuyên đề Giáo dục Stem cho tất cả giáo viên nắm và thực hiện trong những năm tiếp theo.

7/. Công tác truyền thông và triển khai thực hiện các nội dung của Chỉ số hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2023-2024.

Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện chỉ số PAPI triển khai đến toàn trường thực hiện trong năm học 2023-2024.

8. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.

Nhà trường xây dựng kế hoạch chuyển đổi số ở đơn vị triển khai đến toàn trường thực hiện trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo.

9. Thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển giáo dục tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025.

Nhà trường dựa trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025. Từ đó xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường hàng năm đưa các chỉ tiêu này vào thực hiện đạt hiệu quả.

10. Công tác khác (Hội thi, Ngày Hội).

Năm học 2023-2024 nhà trường tham gia đầy đủ các phong trào, hội thi do cấp trên tổ chức. Kết quả: Ngày hội giao lưu tiểu học đạt 02 giải KK (Văn nghệ và Trải nghiệm); HBTA đạt 04 giải KK (03 giải cá nhân và 01 giải tập thể); Tiếng hát học đường đạt 01 giải Nhì tập thể và 01 giải C song ca.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được.

1.1. Kết quả, những ưu điểm nổi bật.

+ Kết quả thực hiện CTGDPT 2018

Lãnh đạo nhà trường thường xuyên tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị và rèn luyện phẩm chất đạo đức nhà giáo cho giáo viên, giáo dục đạo đức cho học sinh. Tập trung triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học. Nâng cao năng lực quản lý điều hành, đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục ở địa phương. Đa số giáo viên đều an tâm công tác, nhiệt tình giảng dạy, có ý thức tự học, tự rèn để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ; tích cực tham gia các phong trào thi đua và cuộc vận động của ngành đề ra. Các hoạt động chuyên môn trong nhà trường hoạt động nề nếp. Chất lượng dạy và học đã được nâng lên rõ rệt.

Các tổ chức trong nhà trường đã được củng cố và hoạt động nề nếp. Đặc biệt công tác xây dựng CSVN ngày một khang trang và đầy đủ, cảnh quan môi trường ngày càng đẹp. Nhiều phụ huynh đã có sự quan tâm đến việc học tập rèn luyện của con em.

+ Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên.

Chọn nhân sự đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định ; công tác bồi dưỡng theo đúng kế hoạch đề ra.

+ Cơ sở vật chất :

Sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có và làm đồ dùng dạy học có hiệu quả: GV làm và sử dụng có hiệu quả ĐDDH sẵn có, thường xuyên áp dụng CNTT vào giảng dạy...

+ Mô hình, các trường điển hình, những việc làm sáng tạo

- Xã hội hóa giúp học sinh khó khăn tiếp tục học tập.

2) Một số khó khăn, hạn chế .

+ Cơ sở vật chất

Tiếp tục tham mưu cấp trên xây dựng thêm chức năng, phòng bộ môn, phòng truyền thống...

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên: Còn 02 GV có trình độ cao đẳng, đang học liên thông Đại học 01 GV.

+ Công tác quản lý, quản trị trường học.

Về chất lượng giáo dục: còn 08 học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học

+ Trách nhiệm hiệu trưởng

Tiếp tục tăng cường công tác tham mưu, đảm bảo sự phối hợp với các ban ngành, đoàn thể ở địa phương nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra; Đảm bảo chỉ tiêu PCGDTH, học sinh học 2 buổi/ngày; giảm thiểu tối đa tỉ lệ học sinh bỏ học; Quản

lý điều hành hoạt động giáo dục của nhà trường bằng các kế hoạch, quyết định, quy định, quy chế và các văn bản quy phạm khác.

Đẩy mạnh công tác xây dựng và quản lý kế hoạch thật cụ thể, có đủ các cấp độ (ngày, tuần, tháng, năm) của từng cá nhân, tổ, trường. Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh thông qua việc tăng cường các hoạt động thực hành vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, chú trọng giáo dục đạo đức/giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh.

Xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm học thống nhất từ trường đến tổ khối và các cá nhân trong trường. Phối hợp với Hội đồng trường, ngay từ đầu năm học khi giao chỉ tiêu cho các tổ chức, cá nhân trong nhà trường một cách công bằng, cụ thể đến từng đối tượng; tạo điều kiện, tạo môi trường cho cha mẹ học sinh và cộng đồng cùng tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tăng cường công tác kiểm tra trong nhà trường. BGH tổ chức họp giao ban để kịp thời nắm bắt các hoạt động của trường và chất lượng của từng khối lớp từ đó đề ra các giải pháp khắc phục.

Chủ động thực hiện cụ thể hóa phân phối chương trình học tập của học sinh phù hợp với từng lớp học cụ thể, đảm bảo yêu cầu giáo dục học sinh tiểu học và yêu cầu nhiệm vụ quy định trong chương trình tiểu học.

2. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

1. Nguyên nhân

Về chất lượng giáo dục: Do gia đình đi làm ăn xa không quan tâm đến con em mình. Một học sinh đọc chậm, chữ viết chưa đúng mẫu, trình bày chưa sạch đẹp; Một vài giáo viên nhận xét trên vở của một số học sinh còn chung chung, chưa giúp học sinh nhận thấy những thiếu sót để tự sửa chữa và phấn đấu vươn lên trong học tập. Thiếu giáo viên cục bộ...

2. Giải pháp

Nâng cao chất lượng giáo dục: Nhà trường triển khai thực hiện đúng văn bản số 648/SGDĐT-GDTH ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn cấp Tiểu học từ năm học 2020 – 2021. GV phải chủ động thay đổi phương pháp, kỹ thuật dạy học sao cho thu hút học sinh tích cực học tập; không tạo áp lực cho học sinh trong các buổi kiểm tra. Các tổ khi tổ chức họp phải đánh giá sát với công việc làm được chưa được và đề ra giải pháp cụ thể tập trung công tác phụ đạo học sinh trong hè (tập trung phần luyện đọc, viết chính tả, cách hình thành một bài văn hoàn chỉnh, kỹ năng tính và giải toán).

Bài học kinh nghiệm

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, thực hiện nghiêm túc phương châm “Bám sát cơ sở, kỷ cương nghiêm, chất lượng thực, hiệu quả cao”, thực hiện đúng chế độ thu chi tài chính, tuyển sinh đúng theo qui định. Thực hiện tốt “*Ba công khai*” và “*Bốn kiểm tra*” theo chỉ thị số 47/2008/CT-BGDĐT ngày 13/8/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Xây dựng qui chế dân chủ và Qui chế chi tiêu nội bộ đảm bảo công khai dân chủ. Thực hiện tốt Qui chế dân chủ, chống những biểu hiện tiêu cực trong quản lý dẫn đến mất đoàn kết nội bộ trong nhà trường.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào công tác quản lý. Tăng cường sử dụng các phần mềm quản lý học sinh, quản lý cán bộ giáo viên

Tăng cường tổ chức phổ biến các sáng kiến kinh nghiệm có chất lượng tốt.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra nhất là kiểm tra chuyên môn và quản lý chất lượng giáo dục, tăng cường trật tự, kỷ cương, nề nếp trong nhà trường. Kiểm tra việc dạy thêm, học thêm, công tác thu chi trong nhà trường. Tăng cường kiểm tra đột xuất, xử lý nghiêm các sai phạm sau thanh tra, kiểm tra.

Có đánh giá xử lý thông tin kịp thời, sau kiểm tra, công khai kết quả kiểm tra và lưu giữ hồ sơ. Tạo điều kiện cho công tác kiểm tra hoạt động su phạm.

Đổi mới công tác thi đua khen thưởng với tinh thần thực hiện nghiêm túc cuộc vận động "*Hai không*" của ngành. Tổ chức các phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả, đánh giá thi đua công bằng, khách quan, có tác động tích cực nhằm động viên và thúc đẩy các phong trào.

Xây dựng các tiêu chuẩn thi đua được thống nhất trong Hội đồng sư phạm và trở thành nghị quyết để mọi thành viên trong Hội đồng sư phạm được xây dựng và thực hiện. Có tổng kết rút kinh nghiệm và công khai kết quả thi đua qua các đợt thi đua.

Tuyên dương khen thưởng và phê bình kịp thời, nhân điển hình những gương tiêu biểu của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

Đảm bảo truyền đạt thông tin chính xác, kịp thời các công văn, chỉ thị, qui định, qui chế chuyên môn, chủ trương, chính sách... đến các bộ phận giáo viên và học sinh toàn trường để đảm bảo thực hiện đúng chỉ thị, qui định của cấp trên, đảm bảo chế độ thông tin 2 chiều giữa giáo viên với nhà trường và trường với cấp trên.

Xây dựng một tập thể sư phạm đoàn kết, có kỉ cương, nề nếp, dân chủ, công khai, công bằng để tập trung sức mạnh hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học đề ra.

Bồi dưỡng cho giáo viên kỹ năng sống: kỹ năng giáo dục trẻ, kỹ năng phối hợp, kỹ năng xây dựng mối quan hệ tốt, thân thiện với CMHS.... Xây dựng mối quan hệ đúng mức trong quan hệ đồng nghiệp, cán bộ nhân viên với phụ huynh; mối quan hệ giữa cán bộ quản lý với cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Quản lý tài chính: Thực hiện đúng luật ngân sách và các qui định của ngành học. Mở sổ, lưu giữ chứng từ đúng theo qui định.

Công đoàn, đội cùng nhà trường xây dựng nề nếp, kỷ cương. Động viên, tổ chức giáo viên tham gia thực hiện tốt qui chế chuyên môn, kỷ luật lao động, tham gia hội họp đúng giờ, tích cực đóng góp ý kiến xây dựng trường, cho đồng nghiệp trong chuyên môn.

Tổ chức tốt qui chế quản lý tài sản công, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn CSVC, các trang thiết bị ĐDDH.

Ban giám hiệu nhà trường làm tốt công tác tham mưu cho các cấp để mọi người, mọi cấp quan tâm đến sự nghiệp giáo dục.

Thông tin, tuyên truyền đến Ban đại diện cha mẹ học sinh; Củng cố, duy trì hoạt động của Ban đại diện CMHS trường và Ban đại diện CMHS lớp, làm cầu nối giữa gia đình và nhà trường trong công tác giáo dục học sinh.

IV. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ TRIỂN KHAI NĂM HỌC 2024 – 2025

1). Công tác chỉ đạo thực hiện tuyển sinh đầu cấp, dự báo quy mô trường lớp, học sinh năm học 2024-2025.

a) Thực trạng

Lớp 1: 4 lớp: 98 (dự kiến)

Lớp 2: 4 lớp: 107

Lớp 3. 4 lớp: 114

Lớp 4. 4 lớp: 104

Lớp 5. 4 lớp: 109

TC: 532/ 20 lớp.

a) Thuận lợi

Do nhiều gia đình đi làm ăn xa nên công tác huy động khó khăn, Hiện tại còn nhiều gia đình chưa làm giấy CCCD, nên việc làm khai sinh gặp khó.

c) Khó khăn, nguyên nhân và giải pháp.

Nhà trường làm tốt hơn công tác phối hợp tuyên truyền đại phương trong công tác nêu trên.

2). Công tác chuẩn bị đội ngũ giáo viên, CBQLGD, đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (tuyển dụng bổ sung bố trí, sắp xếp)

a) Thực trạng

- Trường có tổng số 41 CBGV-NV trong đó:

+ CBQL: 04

+ GV: 21

+ TPT: 01

+ GV chuyên 07

+ NVVP: 05

+ BV-TV 03

b) Thuận lợi

CBGV cơ bản đảm bảo đủ cho công tác dạy và học.

c) Khó khăn, nguyên nhân và giải pháp.

Năm học 2024-2025 thiếu 01 GVTH ở HK2 (do GV nghỉ hộ sản và nghỉ hưu).

3) Công tác chuẩn bị CSVC TBDH, SGK đảm bảo thực hiện CTGDTP cấp tiểu học.

a) Thực trạng

- Về CSVC phòng học đảm bảo đủ 1 lớp trên 01 phòng

- Các lớp 1,2,3,4 đảm bảo TBDH và SGK

- Lớp 5 chờ trang bị TBDH, SGK đủ (do mới năm đầu thực hiện

CTGDPT 2018.

b) Thuận lợi

Riêng lớp 4 SGK chọn Chân trời Sáng tạo đã đăng ký mua. lớp 5 SGK đã đăng ký mua.

c) Khó khăn, nguyên nhân và giải pháp

Trường còn thiếu phòng chức năng...

V. Kiến nghị

- Các cấp lãnh đạo huyện, PGD sớm có kế hoạch xây dựng thêm CSVC cho đơn vị, nhất là xây dựng nhà vệ sinh cho giáo viên và học sinh.

Trên đây là báo cáo Tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 – 2024 và đánh giá sau bốn năm thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 của trường Tiểu học An Phước ./.

Nơi nhận.

- Phòng GDĐT(b/c);
- UBND xã (b/c);
- CBGV-NV;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Văn Thanh Mộng